

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 78/2024/DS-ST

Ngày 26-9-2024

“V/v tranh chấp HĐ vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thanh Nguyên.

2- Bà Trần Thu Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tăng Thị Điền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 168/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Lê Minh T, sinh ngày 01/01/1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Anh Trương Văn K, sinh năm 1980 và chị Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1980 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2023 nguyên đơn anh Lê Minh T trình bày, yêu cầu như sau: Vào ngày 20/10/2020 âm lịch vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G có hỏi vay của anh số tiền 96.590.000đ, khi vay tiền có làm biên nhận nợ do anh Trương Văn K ký, hai bên thoả thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 02 năm trả lại gốc và phải đóng lãi hàng tháng. Từ khi anh K và chị G vay tiền cho đến nay không trả lãi và tiền gốc cho anh, mặc dù anh đã nhiều lần đến đòi nợ.

Nay anh yêu cầu anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G trả cho anh số tiền gốc là 96.590.000đ và tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 20/10/2020 (tức ngày 04/12/2020 dương lịch) cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Đối với bị đơn anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G Tòa án đã tổng đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh K và chị G vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh Lê Minh T.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Minh T trình bày và yêu cầu như sau: Lúc hỏi vay tiền chỉ có anh K trực tiếp nhận tiền và ký biên nhận nợ, còn chị G không có ký nhận và cũng không trực tiếp nhận tiền. Vì vậy, nay anh xin rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Trần Thị Ngọc G, mà chỉ yêu cầu anh Trương Văn K trả cho anh số tiền gốc là 96.590.000đ và tính lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày 04/12/2020 cho đến ngày 04/9/2024 là 45 tháng. Cụ thể là $96.590.000đ \times 1,6\%/tháng \times 45 \text{ tháng} = 69.544.800đ$ (lấy tròn số là 69.545.000đ).

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Chấp nhận rút yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T đối với chị Trần Thị Ngọc G.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Lê Minh T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Trương Văn K.

Buộc anh Trương Văn K trả cho anh Lê Minh T số tiền gốc là 96.590.000đ và trả lãi suất tính từ ngày ngày 04/12/2020 cho đến ngày 04/9/2024, mức lãi suất 1,6%/tháng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của đương sự nội dung về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và bị đơn có nơi cư trú trên địa phận hành chính của huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Phần thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không

có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, yêu cầu của anh Lê Minh T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Trương Văn K là có căn cứ. Bởi vì, anh T có cho anh K vay số tiền 96.590.000đ, hai bên có làm giấy nhận nợ tay với nhau lập ngày 20/10/2020 âm lịch (tức là ngày 04/12/2020 dương lịch) do anh K ký tên và hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, trong thời hạn 02 năm trả gốc và phải trả lãi hàng tháng. Nhưng từ khi vay tiền cho đến nay anh K cũng không trả tiền gốc và lãi cho anh T và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý vụ án, thông hoà giải và quyết định xét xử cho anh K và chị G mà anh K và chị G cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh T.

Tại phiên toà hôm nay anh Lê Minh T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với chị Trần Thị Ngọc G, do đó căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với chị Trần Thị Ngọc G.

Xét về lãi suất, khi giao dịch hai bên thỏa thuận mức lãi suất 2%/tháng, nhưng hai bên không thực hiện được với nhau, nay anh T chỉ yêu cầu tính lãi suất 1,6%/, kể từ ngày ngày 04/12/2020 cho đến ngày 04/9/2024. Xét thấy, yêu cầu của anh T về lãi suất là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tính lãi suất như sau: $96.590.000đ \times 1,6\%/tháng$ (kể từ ngày 04/12/2020 đến ngày 04/9/2024) $\times 45$ tháng = 69.544.800đ (lấy tròn số là 69.545.000đ).

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Lê Minh T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Trương Văn K.

Buộc trả cho anh Trương Văn K trả cho anh Lê Minh T số tiền gốc là 96.590.000đ và tiền lãi là 69.545.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là **166.135.000đ** (một trăm sáu mươi sáu triệu một trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của anh Lê Minh T được chấp nhận nên anh Trương Văn K phải chịu tiền án phí là **166.135.000đ** $\times 5\%$ = 8.306.500đ (tám triệu ba trăm lẻ sáu ngàn năm trăm đồng).

Hoàn trả lại cho anh Lê Minh T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.415.000đ (hai triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng), theo lai thu số: 0003329 ngày 22/7/2024 của Chi cục Thị hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Xét về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận như đã nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26, khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1- Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T đối với chị Trần Thị Ngọc G về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Lê Minh T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Trương Văn K.

Buộc trả cho anh Trương Văn K trả cho anh Lê Minh T số tiền gốc là 96.590.000đ (chín mươi sáu triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng) và tiền lãi là 69.545.000đ (sáu mươi chín triệu năm trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 166.135.000đ (một trăm sáu mươi sáu triệu một trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật mà anh K không trả hoặc trả không đủ số tiền cho anh T thì anh T có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật và anh K còn phải trả thêm lãi cho anh T theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền còn lại kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trương Văn K phải chịu tiền án phí là 8.306.500đ (tám triệu ba trăm lẻ sáu ngàn năm trăm đồng).

Hoàn trả lại cho anh Lê Minh T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.415.000đ (hai triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng), theo lai thu số: 0003329 ngày 22/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho anh T có mặt biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/9/2024). Đối với bị đơn anh K và chị G vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- VP ĐKDD huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu V. phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm